TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/8/2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- T**hành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên, bà Bùi Thị Quy;

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thị Luyến – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị La- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đồng C (tên gọi khác Nguyễn Đồng P), sinh năm 1942; Địa chỉ: Q, L, K, Hải Dương; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức H – Luật sư Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hải Dương; Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nghiêm Thị P, sinh năm 1941; Địa chỉ: A, C, N, Hải Dương; Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn ông Nguyễn Đồng C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà P kết hôn tháng 8/1963 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của dân tộc và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, còn vào ngày nào thì đến nay ông không còn nhớ, Giấy chứng nhận kết hôn ông cũng không còn giữ được. Sau khi kết hôn ông bà chung sống ở A, C, N, đến năm 1964 ông đi bộ đội, năm 1976 ông chuyển ngành làm công nhân ở Công ty V. Thời gian từ khi ông đi bộ đội, rồi đi làm công nhân vợ chồng thường xuyên sống xa cách,

chỉ thỉnh thoảng mới về thăm nhà nên tình cảm vợ chồng không được gắn bó. Đến năm 1988 vợ chồng ông xẩy ra mâu thuẫn nghiêm trọng nguyên nhân là do không phù hợp về tính cách, lối sống, nên ông đã chuyển về Q, L, K, Hải Dương sống ly thân với bà P. Thỉnh thoảng có công việc của họ hàng ông vẫn về quê, vẫn có trách nhiệm với các con nhưng ông và bà P không còn quan tâm đến nhau, việc của ai người đó làm, kinh tế riêng biệt, ông bà đều có cuộc sống riêng của mình. Trước đó ông nghĩ do ông bà tuổi đã cao nên không yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng đến nay nhận thấy ông bà không quay về chung sống cùng nhau nữa, để tránh những ràng buộc sau này nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà P.

Về con chung*:* Ông và bà P có hai con chung là Nguyễn Thị L (tên gọi khác N) - sinh tháng 6/1964 và Nguyễn Thị C– sinh tháng 8/1979. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai bị đơn bà Nghiêm Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông C kết hôn năm 1963 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, giấy đăng ký kết hôn ông Cgiữ. Sau khi kết hôn ông bà chung sống ở A, C, N, Hải Dương. Năm 1964 bà sinh con gái lớn được 4 tháng thì ông C đi bộ đội, đến khi con gái được 15 tuổi thì ông C về nhưng chỉ ở nhà được một thời gian ngắn thì đi làm công nhân. Một thời gian sau ông C chuyển về L, K, Hải Dương sống, lý do ông C bỏ đi là vì bà không sinh được con trai, ông C muốn có con trai nên đi kiếm con trai và sinh sống luôn ở đó. Kể từ đó ông bà sống ly thân, kinh tế riêng biệt, ông C không có trách nhiệm gì với gia đình. Chỉ khi nào gia đình ông C có việc, ông C mới về quê còn không có trách nhiệm gì với bà và các con, không đưa tiền để bà nuôi con. Đến nay ông C làm đơn xin ly hôn bà không đồng ý, vì ông bà tuổi đã cao không còn sống được lâu, nên không cần phải ly hôn. Còn nếu ông C vẫn cương quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung*:* Bà và ông C có hai con chung là Nguyễn Thị L (tên gọi khác N) - sinh tháng 6/1964 và Nguyễn Thị C – sinh tháng 8/1979. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng :

Anh Hà Văn V trình bày: Anh là chồng của chị Nguyễn Thị L là con rể của bà P, ông C. Anh chị kết hôn từ năm 1989 sau đó về ở chung với bà P. Kể từ khi

anh và chị N kết hôn ông C đã không ở chung cùng bà P, bà P một mình nuôi con, chăm sóc bố mẹ chồng, còn ông C không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình.

Ông Nguyễn Công V phó thôn A trình bày: Ông C và bà P là vợ chồng, nhưng đã sống ly thân khoảng 40 năm nay còn cụ thể thời gian nào thì ông không biết. Ông C, bà P có hai con chung là Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị C, đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng, không ai có nhược điểm về thể chất và tinh thần.

Theo xác minh tại UBND xã C: Ông C bà P xác lập quan hệ hôn nhân theo ông bà trình bày từ năm 1963, đã có 2 con chung. Hiện tại UBND xã C không còn lưu giữ được sổ sách giấy tờ kết hôn giai đoạn trước năm 2000.

Theo xác minh tại Phòng tư pháp huyện N: Phòng tư pháp huyện N lưu giữ sổ đăng ký kết hôn của giai đoạn trước năm 1990.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn ông C trình bày: Ông giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà Pvì xác định mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống; Về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà P vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Xử cho ông Cly hôn bà P; Về con chung, tài sản chung: không giải quyết; Về án phí: Ông C là người cao tuổi nên miễn án phí cho C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nghiêm Thị P được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đồng C (tên gọi khác P), bà Nghiêm Thị P xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 1963 trên cơ sở tự nguyện, ông bà

trình bày có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, nhưng không còn giữ được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tòa án tiến hành xác minh tại UBND C, Phòng tư pháp huyện N thể hiện: không còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn của thời kỳ đó. Nên chưa đủ căn cứ xác định ông C, bà P đã đăng ký kết hôn tại UBND xã C như ông bà trình bày. Xét ông C, bà P xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 1963, đã có hai người con chung, họ hàng, thôn xóm, chính quyền địa phương đều xác định ông bà là vợ chồng. Như vậy căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc Hội xác định ông C, bà P là vợ chồng hợp pháp. Ông C, bà P đều trình bày sau khi kết hôn được một năm thì ông C đi bộ đội, năm 1976 ông chuyển ngạch làm công nhân vận tải thủy, nên thường xuyên vắng nhà, vợ chồng sống xa cách nên tình cảm không được gắn bó. Ông C trình bày nguyên nhân dân đến mâu thuẫn là do vợ chồng không phù hợp về tính cách, quan điểm sống. Bà P trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do bà chỉ sinh được hai người con gái, ông C đi kiếm con trai nên không ở cùng với bà, không có trách nhiệm với gia đình, ông bà đã sống ly thân được khoảng 50 năm. Xét lời trình bày của ông bà về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng có khác nhau nhưng cả hai ông bà đều thừa nhận đã sống ly thân từ lâu, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, kinh tế độc lập. Ông C đề nghị được ly hôn với bà P, tại biên bản ghi lời khai ngày 05/7/2019 (BL 35) bà P trình bày bà và ông C đã sống ly thân hơn 50 năm nay nhưng bà không đồng ý ly hôn vì ông bà tuổi đã cao không còn sống được lâu nên không cần thiết phải ly hôn. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau…HĐXX xét thấy, ông C, bà P đã sống ly thân từ năm 1988, không thực hiện được các nghĩa vụ trên. Từ đó có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho ông C ly hôn bà P.

[3] Về quan hệ con chung: Ông C, bà P có 2 con chung là Nguyễn Thị L (tên gọi khác N), sinh tháng 6/1964 và Nguyễn Thị C, sinh tháng 8/1979. Hiện nay cả hai con chung đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về tài sản chung: Ông C, bà P không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Ông C đề nghị HĐXX miễn án phí, xét thấy ông Csinh năm 1942, là người cao tuổi, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, HĐXX miễn án phí cho ông C.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho ông Nguyễn Đồng C (tên gọi khác Nguyễn Đồng P) ly hôn bà Nghiêm Thị P.

2. Án phí: Miễn án phí cho ông Nguyễn Đồng C.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THA DS huyện Nam Sách;
- Đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy